

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1108/2018/DS-PT

Ngày: 23/11/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tuấn Vinh

Các thẩm phán: Bà Đặng Huyền Phương

Bà Phạm Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 386/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án số 102/2018/DS-ST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C3 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4100/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 8581/2018/QĐ-PT ngày 22/10/2018 giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần A**

Địa chỉ trụ sở chính: đường A1, phường A2, Quận A3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí Thành B, sinh năm: 1980. Địa chỉ: đường B1, phường B2, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Quyết định ủy quyền thường xuyên số 1084/QĐ-DAB-PC ngày 21/6/2016 của Ngân hàng thương mại cổ phần A), (Có mặt).

Bị đơn: Bà Hồ Thị C, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Lô M, Đường số 13, khu dân cư C1, ấp o, xã C2, huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Dương Hoàng D, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Lô M, Đường số 13, khu dân cư C1, ấp o, xã C2, huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 23 tháng 6 năm 2017

của Văn phòng Công chứng Lương Khánh Linh, Thành phố Hồ Chí Minh), (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sắt thép E

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 17 Khu công nghiệp E1, Quận E2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Dương Văn G, sinh năm: 1983. Địa chỉ: đường Dương Đình G1, ấp G2, xã C2, huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt).

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại dịch vụ H.

Địa chỉ trụ sở chính: đường Nguyễn Cửu H1, ấp G2 xã C2, huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Bà Hồ Thị C, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Số 25 Lô M, Đường số 13, khu dân cư C1, ấp o, xã C2, huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt).

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn Thép I

Địa chỉ trụ sở chính: Lô số 17, Khu công nghiệp I 1, đường I 2, phường I 3, Quận E2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Phạm Hải K, sinh năm: 1980; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, đường K1, phường K2, Quận K3, Thành phố Hải Phòng. Địa chỉ nơi cư trú: C3 Tầng L, số 341, đường L1, phường 1, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt).

4. Ông Dương Hoàng D, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Lô M, Đường số 13, khu dân cư C1, ấp o, xã C2, huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 02 năm 2017, bản tự khai ngày 17 tháng 4 năm 2017 và tại phiên toà, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A – có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Chí Thành B trình bày:

Năm 2011, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sắt thép E (gọi tắt là Công ty E) có làm thủ tục vay tiền, bảo lãnh vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh Quận B3 (gọi tắt là A Bank). Do hai công ty này không có khả năng trả nợ nên ngày 20 tháng 3 năm 2014 A Bank đã tổ chức buổi làm việc để xử lý nợ vay của Công ty E. Nội dung làm việc: 1. Các bên xác nhận công nợ và tài sản bảo đảm; 2. Phương hướng xử lý nợ.

3.1. Về xác nhận công nợ: tổng dư nợ của Công ty E đang vay tính đến ngày 20/3/2014 là 51.597.196.923 đồng, trong đó nợ gốc là 30.785.257.077 đồng, lãi trong hạn là 1.895.204.737 đồng, nợ lãi quá hạn là 18.916.735.109 đồng; Ông D và bà C dùng tài sản của mình bảo lãnh cho Công ty trách nhiệm

hữu hạn Thép I (gọi tắt là Công ty I) vay vốn tại A Bank số nợ tạm tính đến ngày 20/3/2014 là 13.350.688.899 đồng, bao gồm vốn gốc là 8.000.000.000 đồng và lãi vay là 5.350.688.889 đồng. Tổng số cả hai khoản nợ trên: 1- nợ gốc là 38.785.257.077 đồng, trong đó, Công ty TNHH sắt thép E nợ 30.785.257.077 đồng và Công ty TNHH thép I nợ 8.000.000.000 đồng. 2- nợ lãi là 26.162.628.735 đồng, trong đó nợ lãi của Công ty E là 20.811.939.846 đồng và nợ lãi của Công ty I là 5.350.688.889 đồng.

Về phương hướng xử lý nợ:

- Ý kiến của khách hàng (Ông D):

Đối với số nợ gốc, Ông D đề nghị giao tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 383, tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc, tỉnh N2 do công ty TNHH MTV SX TM DV H đứng tên chủ tài sản cho ngân hàng với giá 25.000.000.000 đồng để cân trừ một phần nợ gốc 25.000.000.000 đồng vào số tổng số nợ 38.785.257.077 đồng nói trên. Phần nợ gốc còn lại 13.785.257.077 đồng, khách hàng (Ông D) đề nghị A Bank cho cá nhân bà Hồ Thị C (vợ Ông D) vay lại, với lãi suất 9%/năm, tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất thửa 1576, tờ bản đồ số 5 (BĐDC), ấp Minh Thiện, xã Long Trạch và các thửa 3549, 100, 3905, tờ bản đồ số 2, (BĐDC), ấp o, xã Long Hoà, huyện O2, tỉnh N2 và Quyền sử dụng đất thuộc các thửa 756, 2212, 2464, 2249, 2341, tờ bản đồ số 4 (BĐDC), xã Long Khê, huyện O2, tỉnh N2, thời hạn vay là 7 năm, vốn gốc trả hàng năm, ân hạn 02 năm đầu, từ năm thứ 3 sẽ trả vốn gốc với số tiền khoảng 2,8 tỉ đồng/năm, trả lãi hàng tháng, thời gian bắt đầu trả lãi từ tháng 01 năm 2015.

Đối với nợ lãi là 26.162.628.735 đồng, trong đó nợ lãi của Công ty E là 20.811.939.846 đồng và nợ lãi của Công ty I là 5.350.688.889 đồng, Ông D đề nghị A Bank miễn giảm tất cả các khoản lãi 5.350.688.889 đồng của Công ty I mà Ông D và bà C bảo lãnh cho Công ty I vay vốn. Số nợ lãi còn lại từ khoản vay 30.785.257.077 đồng của Công ty E, Ông D đề nghị A Bank tính lại toàn bộ lãi với lãi suất là 7%/năm, đồng thời Ông D đề nghị A Bank chấp nhận để Công ty E đứng ra thanh toán khoản nợ này trong thời gian 07 năm, ân hạn 02 năm đầu, từ năm thứ 3 trả nợ theo định kỳ từng tháng.

- Ý kiến của bên A (A Bank): Bên A ghi nhận các đề nghị của ông Dương Hoàng D. Trên cơ sở đó, A Bank sẽ trình lãnh đạo xem xét và phản hồi thông tin cho Ông D bằng văn bản trả lời sớm nhất.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Ngân hàng trình bày vào ngày 26 tháng 5 năm 2014, A Bank có làm Thông báo gửi Ông D và bà C phản hồi ý kiến của A Bank về việc mà Ông D đề xuất trong biên bản làm việc ngày 20 tháng 3 năm 2014, với nội dung A Bank đồng ý cho bà Hồ Thị C – vợ Ông D nhận nợ cá nhân số lãi này, đồng ý tính lại toàn bộ lãi với lãi suất là 7%/năm, thời gian 07 năm, ân hạn 02 năm đầu, từ năm thứ 3 trả nợ theo định kỳ từng tháng, hình thức tín chấp. Thông báo này A Bank có gửi cho Ông D, bà C nhưng không làm văn bản giao nhận. A Bank và Ông D có làm việc với nhau về việc bà C sẽ nhận trả nợ thay cho Công ty E nhưng không làm việc trực tiếp với bà C. Khi làm việc

với Ông D các bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không lập biên bản gì nên phía Ngân hàng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có gửi thông báo hay có biên bản làm việc với bà C cho Tòa án.

Ngày 23 tháng 7 năm 2014, A Bank và bà Hồ Thị C ký kết Hợp đồng vay trung dài hạn số H0002/13 với số tiền vay là 6.450.000.000 đồng (Sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng); Mục đích sử dụng vốn vay: thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nhận thanh toán thay cho Công ty E tại A Bank; Thời hạn cho vay là 07 năm kể từ tháng 7 năm 2014; Giải ngân một lần; Lãi suất cho vay: 0%/năm; Hình thức vay: tín chấp (không có tài sản bảo đảm); Phương thức trả nợ gốc: 02 năm đầu không phải trả, từ năm thứ 3 trả nợ theo định kỳ từng tháng, số tiền trả nợ mỗi kỳ là 106.000.000 (một trăm lẻ sáu triệu) đồng, số tiền trả nợ kỳ cuối là 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng; Kỳ trả nợ gốc đầu tiên là tháng 7 năm 2016.

Cùng ngày 23 tháng 7 năm 2014, bà Hồ Thị C cũng ký Giấy nhận nợ với A Bank. Trong giấy nhận nợ có thể hiện rõ bà Hồ Thị C nhận nợ số tiền 6.450.000.000 đồng, hình thức: chuyển khoản, mục đích sử dụng vốn là để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nhận thanh toán thay cho Công ty E đối với khoản nợ lãi của hồ sơ vay của Công ty E tại A Bank.

Như vậy, theo Hợp đồng tín dụng và theo Giấy nhận nợ nói trên, bà C đã thừa nhận bà C đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nhận thanh toán thay cho Công ty E đối với khoản nợ lãi của hồ sơ vay của Công ty E tại A Bank với số tiền là 6.450.000.000 đồng.

Do đó sau khi ký giấy nhận nợ, trong quá trình thực hiện hợp đồng, A Bank không thực hiện việc chuyển khoản hay chuyển tiền mặt nào cho bà C. Việc A Bank không giải ngân là hợp pháp vì trước khi ký hợp đồng tín dụng, phía A Bank đã có Biên bản làm việc đề ngày 20 tháng 3 năm 2014 với Công ty E, Công ty H và ông Dương Hoàng D, bà Hồ Thị C về việc xử lý nợ; Tại mục 2.2, Điều 2, Hợp đồng vay trung dài hạn số H0002/13 ngày 23 tháng 7 năm 2014 có ghi nhận mục đích sử dụng vốn vay là thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nhận thanh toán thay cho Công ty E đối với khoản nợ lãi của hồ sơ vay của Công ty E tại A Bank. Để kiểm soát chặt chẽ về nghiệp vụ cho vay, nhằm bảo đảm bà C vay là để trả nợ lãi cho Công ty E, và nếu A Bank giải ngân vào tài khoản bà C thì có thể bà C sẽ rút ra và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho phía A Bank. Do đó A Bank không thực hiện việc chuyển khoản hay chuyển tiền mặt nào cho bà C, A Bank tự thực hiện hạch toán căn trừ vào số tiền nợ lãi của Công ty E mà bà C đã đồng ý trả nợ thay là hợp pháp. Do đó, mặc dù không được nhận tiền theo hợp đồng vay nhưng bà C vẫn phải có các nghĩa vụ trả nợ cho A Bank theo các giao kết trong hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 23 tháng 7 năm 2014 đến nay, bà Thuỷ không trả cho A Bank bất kỳ số tiền nào. Do bà Thuỷ vi phạm nghĩa vụ trả nợ được ghi nhận tại Điều 5 của Hợp đồng vay trung dài hạn số H0002/13 ngày 23 tháng 7 năm 2014, nên từ ngày 31 tháng 7 năm 2016, A Bank đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 02 năm 2017, Ngân hàng thương mại cổ phần A có 03 yêu cầu đối với bà Hồ Thị C là:

1. Yêu cầu trả nợ;

2. Nếu bà C không thực hiện theo yêu cầu tại điểm 1 nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần A được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế thuộc sở hữu, sử dụng của bà Hồ Thị C để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A;

3. Yêu cầu bà Hồ Thị C chịu mọi chi phí phát sinh.

Tuy nhiên nay Ngân hàng thương mại cổ phần A xét thấy yêu cầu thứ 2 và thứ 3 (được ghi nhận tại trang 2/3 của Đơn khởi kiện là không rõ ràng và không cần thiết, chỉ là bổ trợ cho yêu cầu thứ 1 nên đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần A xin rút lại hai yêu cầu 2 và 3. Tại phiên toà, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần A chỉ yêu cầu cá nhân bà Hồ Thị C trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số nợ vốn là 6.450.000.000 (Sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu bà C trả lãi.

Đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần A xác định chỉ kiện và yêu cầu bà Hồ Thị C trả khoản nợ trên, không kiện chồng bà C hay bất kỳ cá nhân, tổ chức nào khác.

2. Tại bản tự khai ngày 26 tháng 6 năm 2017, ngày 03 tháng 10 năm 2017 bị đơn bà Hồ Thị C trình bày:

Bà Thuỷ xác nhận ngày 23 tháng 7 năm 2014 có ký tên hợp đồng vay trung dài hạn số H0002/13 với A Bank. Tuy nhiên bà Thuỷ không có nhận số tiền trên bằng hình thức tiền mặt hay chuyển khoản. Trước và sau khi ký kết hợp đồng nêu trên bà không làm việc với A Bank về việc đồng ý nhận nợ thay cho Công ty E. Khi chồng bà có liên quan đến vụ án hình sự và bị Bộ công an bắt tạm giam, bà cũng có nhiều hoang mang nên khi phía A Bank và chồng bà đề nghị cho bà làm thủ tục vay A Bank để lấy tiền hạch toán, trả nợ thay cho Công ty E lúc đó do chồng bà làm giám đốc thì bà cũng đồng ý ký hợp đồng vay tiền, giấy nhận nợ để được nhận số tiền 6.450.000.000 (Sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu) đồng. Nhưng từ sau khi ký hợp đồng và giấy nhận nợ cho đến nay, bà C không nhận được toàn bộ số tiền đã xin vay, A Bank giao kết trong hợp đồng là sẽ chuyển khoản một lần toàn bộ số tiền đó cho bà nhưng phía ngân hàng không thực hiện. Do A Bank chưa giải ngân cho bà, bà cũng không có bất kỳ thỏa thuận nào với Công ty E và phía ngân hàng về việc không giải ngân, tự cân trừ nợ, tự chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ Công ty E sang cá nhân bà. Do đó bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của A Bank, bà đề nghị A Bank tiến hành đòi nợ đối với Công ty E như nội dung Biên bản làm việc ngày 20 tháng 3 năm 2014.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đại diện hợp pháp của bà C có ông Dương Hoàng D trình bày: Vào năm 2010 ông cùng ông Phạm Hải K và ông Trương Hồng M thành lập Công

ty E do ông làm giám đốc. Đến năm 2011 Công ty E có quan hệ tín dụng với A Bank bằng các hợp đồng vay:

1. Hợp đồng H1123/3 ngày 05/8/1000, số tiền gốc: 454.708,59 USD
2. Hợp đồng H0846/1 ngày 26/9/2011, số tiền gốc: 3.000.000.000 đồng.
3. Hợp đồng H0958/1 ngày 28/5/2012, số tiền gốc: 14.000.000.000 đồng.
4. Hợp đồng H0947/1 ngày 21/1/2011, số tiền gốc: 4.200.000.000 đồng.
5. Hợp đồng H0928/1 ngày 12/11/2011
6. Hợp đồng H0962/1 ngày 28/11/2011
7. Hợp đồng H0973/1 ngày 05/12/2011
8. Hợp đồng H 0991/1 ngày 15/12/2011

Nợ gốc: 38.785.257.000 đồng. Trong đó có tiền bảo lãnh Công ty I 8.000.000.000 đồng.

Ngày 20 tháng 3 năm 2014, ông đại diện Công ty E đến A Bank làm việc về việc xử lý nợ của Công ty E và Công ty I. Ông đồng ý đề nghị bàn giao tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã N, huyện N1, tỉnh N2. Sau khi bán tài sản phần nợ gốc còn lại là 13.785.257.077 đồng, trong đó bao gồm 5.785.257.077 đồng là nợ gốc của Công ty E và 8.000.000.000 đồng bảo lãnh cho Công ty I thì số tiền 13.875.257.077 đồng chuyển qua cho vợ ông là bà Hồ Thị C vay cá nhân số tiền trên theo Hợp đồng số 14-14/HĐT. Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất tại thửa 1576, tờ bản đồ số 5(BĐDC) tại ấp Minh Thiện, xã Long Trạch và các thửa 3549, 000, 3905, tờ bản đồ số 2 (BĐDC) tại ấp o, xã O1, huyện O2, tỉnh N2 và quyền sử dụng đất tại thửa 756, 2212, 2464, 2249, 2341 tờ bản đồ số 4 (BĐDC) tại xã Long Khê, huyện O2, tỉnh N2.

Về phần lãi Công ty E đề nghị A Bank chấp nhận để Công ty E đứng ra thanh toán khoản nợ lãi 6.450.000.000 đồng trong thời hạn 07 năm. Công ty E không đồng ý cho cá nhân bà Hồ Thị C đứng ra vay và chấp nhận trả nợ thay cho Công ty E, thực chất khoản tiền này không liên quan đến cá nhân bà C và bà C không có khả năng trả số tiền đó. Trong thời điểm đó gia đình ông xảy ra nhiều chuyện nên khi A Bank đưa các giấy tờ, cá nhân vợ ông cứ ký mà không biết các giấy tờ ký đó là gì. Đề nghị Tòa án xem xét và tạo điều kiện cho Công ty E có trách nhiệm trả số tiền 6.450.000.000 đồng theo biên bản làm việc của A Bank ngày 20 tháng 3 năm 2014. Ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Dương Hoàng D trình bày:

Với tư cách là người liên quan, Ông D xác nhận có đến liên hệ với A Bank về khoản nợ mà bà C đã ký vay là 6.450.000.000 đồng do ông không biết rõ ràng về các quy định của A Bank. Nay ông nhận thấy nếu là nợ xấu của Công ty E do Ông D làm giám đốc thì cá nhân bà C vợ ông không có trách nhiệm phải trả. Mặc dù bà C có ký hợp đồng vay và có ký giấy nhận nợ đối với A Bank

nhưng thực tế A Bank không giải ngân cho bà C, do đó ông là chồng của bà C cũng không liên quan đến số tiền này. Nợ xấu của Công ty E thì sau này giám đốc Công ty E sẽ thương lượng lại với A Bank về phương án trả. Ngoài ra, ông không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

4. *Tại bản tự khai ngày 27 tháng 12 năm 2017, biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sắt thép E có ông Dương Văn G đại diện theo pháp luật trình bày:* Việc vay tài sản giữa bà Hồ Thị C với A Bank cụ thể như thế nào tôi không rõ. Đây là việc cá nhân của bà C với A Bank, không liên quan đến Công ty E. Với tư cách là người liên quan, ông đại diện Công ty không có yêu cầu gì trong vụ án này. Trước đây Công ty E có làm hồ sơ vay tiền với Ngân hàng Đông Á nhưng do thời gian đã quá lâu nên ông không còn giữ giấy tờ có liên quan đến việc vay tiền nên không thể cung cấp cho Tòa án. Số tiền lãi Công ty E nợ A Bank cụ thể bao nhiêu khi nào ngân hàng yêu cầu Công ty E trả thì ông sẽ tính toán lại với Ngân hàng. ông G khẳng định Công ty E không có bất cứ thỏa thuận nào với bà C và A Bank về việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ của Công ty E cho bà C hoặc có văn bản đồng ý để cá nhân bà C chịu nợ thay cho Công ty E. Nếu số tiền 6.450.000.000 đồng này chính là nợ lãi của số tiền nợ xấu mà Công ty E còn thiếu thì Công ty E sẽ tự trả, không liên quan đến bà C. Ngoài ra, ông G không còn ý kiến nào khác.

5. *Tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2017, đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại dịch vụ H – bà Hồ Thị C trình bày:* Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất thương mại dịch vụ H không liên quan đến việc yêu cầu trả nợ của A Bank. bà C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

6. *Công ty trách nhiệm hữu hạn Thép I vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản thể hiện ý kiến.*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2018/DS-ST ngày 11/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện C3 quyết định:

1/ Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A về việc yêu cầu bà Hồ Thị C trả ngay số nợ là 6.450.000.000 (Sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu) đồng.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn -Ngân hàng thương mại cổ phần A về việc: yêu cầu bị đơn - bà Hồ Thị C nếu không thực hiện theo yêu cầu trả số tiền 6.450.000.000 (Sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu) đồng thì Ngân hàng thương mại cổ phần A được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thuộc sở hữu, sử dụng của bà Hồ Thị C để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A và yêu cầu bà Hồ Thị C phải chịu mọi chi phí phát sinh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật quy định.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người kháng cáo - đại diện Ngân hàng TMCP A trình bày: Biên bản thỏa thuận ngày 20/3/2014 giữa Ngân hàng TMCP A (Ngân hàng) và ông Dương Hoàng D, bà Hồ Thị C sau đó Ngân hàng thông báo chấp nhận đề nghị của Ông D, bà C tại biên bản này cùng với việc bà C và Ngân hàng đã tiến hành ký Hợp đồng tín dụng số H0002/13 ngày 23 tháng 7 năm 2014 thể hiện các bên thống nhất việc bà C gánh vác nghĩa vụ trả nợ số lãi vay của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sắt thép E (Công ty E) tại Ngân hàng. Do hợp đồng nói trên chỉ là hợp đồng giả cách thể hiện sự chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng từ Công ty E sang bà C do đó Ngân hàng đã khấu trừ thẳng vào số nợ của Công ty E mà không giải ngân chuyển khoản số tiền trên cho bà C theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên. Việc khấu trừ thẳng số nợ này là đúng theo thỏa thuận, do đó đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Xét việc Ngân hàng không giải ngân mà căn trừ thẳng số tiền 6.450.000.000 đồng vào số nợ của Công ty E không được quy định trong Hợp đồng tín dụng số H0002/13 ngày 23 tháng 7 năm 2014 giữa Ngân hàng và bà Hồ Thị C là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà.

Tại biên bản làm việc giữa Ngân hàng, Ông D và bà C ngày 20/3/2014 cũng chỉ thể hiện nội dung đề nghị của Ông D mà không ghi ý kiến bà C, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng thừa nhận Hợp đồng tín dụng số H0002/13 ngày 23 tháng 7 năm 2014 chỉ là hợp đồng giả cách để chuyển giao nghĩa vụ trả nợ sang cho bà C, tuy nhiên Ngân hàng không có chứng cứ thể hiện có sự đồng ý của tất cả các bên, thực tế Ngân hàng cũng không có sự giải ngân số tiền vay cho bà C theo như thỏa thuận, do đó không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thời hạn kháng cáo: Ngày 11/6/2018 Tòa án nhân dân huyện C3 xét xử và tuyên Bản án dân sự sơ thẩm số án số 102/2018/DS-ST. Ngày 25/6/2018 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn kháng cáo. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 kháng cáo còn trong hạn luật định nên được xem xét.

[2] Nội dung kháng cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng TMCP A và bà Hồ Thị C có ký kết Hợp đồng vay trung dài hạn số H0002/13 ngày 23 tháng 7 năm 2014 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng), số tiền vay là 6.450.000.000 (Sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu) đồng; Mục đích sử dụng vốn vay: Thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nhận thanh toán thay cho Công ty E tại Ngân hàng TMCP A; Thời hạn cho vay là 07 năm kể từ tháng 7 năm 2014; Giải ngân một lần; Lãi suất cho vay: 0%/năm; Hình thức vay: Tín chấp (không có tài sản bảo đảm); Phương thức trả nợ gốc: 02 năm đầu không phải trả, từ năm thứ 3 trả nợ theo định kỳ từng tháng, số tiền trả nợ mỗi kỳ là 106.000.000 (Một trăm lẻ sáu triệu) đồng, số tiền trả nợ kỳ cuối là 90.000.000 (Chín mươi triệu) đồng; Kỳ trả nợ gốc đầu tiên là tháng 7 năm 2016.

Bà Hồ Thị C có ký Giấy nhận nợ ngày 23 tháng 7 năm 2014 do Ngân hàng TMCP A soạn sẵn thể hiện Bà Hồ Thị Lê Thủy nhận nợ số tiền 6.450.000.000 đồng, hình thức: chuyển khoản, mục đích sử dụng vốn là để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nhận thanh toán thay cho Công ty E đối với khoản nợ lãi của các hồ sơ vay của Công ty E tại Ngân hàng TMCP A.

Vậy cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có ký kết vào Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ nêu trên. Tuy nhiên, nội dung thỏa thuận ghi trong Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ thì các bên chưa thực hiện, cụ thể như sau:

Tại Điểm 2.4 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ thể hiện hình thức giải ngân là giải ngân một lần qua chuyển khoản nhưng các bên thừa nhận không có sự giải ngân, chuyển khoản.

Theo Điểm 9.1.2 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng thể hiện quyền của bên B (quyền của bà Hồ Thị C) là được giải ngân đầy đủ theo Hợp đồng này và phù hợp với tiến độ sử dụng vốn nhưng Ngân hàng đã không thực hiện.

Tại Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ chỉ thể hiện mục đích sử dụng vốn vay của bà C là để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, nhận thanh toán thay cho Công ty E đối với khoản nợ lãi của các hồ sơ vay của Công ty E tại Ngân hàng chứ không thể hiện việc bà C đồng ý cho Ngân hàng tự động cắt trừ khoản tiền vay của bà. Việc Ngân hàng tự động cắt trừ số tiền này để trừ vào khoản nợ của Công ty E là không có trong Hợp đồng tín dụng và ảnh hưởng đến quyền lợi của bà C.

Việc sử dụng vốn vay đúng mục đích là quyền và nghĩa vụ của chính bà C đối với Ngân hàng TMCP A. Việc Ngân hàng tự sử dụng vốn vay của bà C, tự chuyển giao nghĩa vụ trả nợ của Công ty E thành nghĩa vụ trả nợ của bà C là không đúng với nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

Xét Biên bản làm việc ngày 20 tháng 3 năm 2014 giữa Ngân hàng với Công ty E, Công ty H, ông Dương Hoàng D và bà Hồ Thị C thì đây là biên bản làm việc thể hiện phương hướng xử lý nợ có ghi nhận ý kiến của Ông D đối với việc xử lý các khoản nợ và xử lý tài sản thế chấp giữa các bên; Ngân hàng ghi nhận ý kiến của Ông D và sẽ trình lãnh đạo xem xét, phản hồi thông tin cho Ông D bằng văn bản trong thời gian sớm nhất.

Theo nội dung biên bản làm việc này chỉ ghi nhận lại ý kiến của Ông D, không có ý kiến của bà C, không có sự thỏa thuận của các bên. Hơn nữa ý kiến của Ông D là đề nghị Ngân hàng cho Công ty E đứng ra thanh toán khoản nợ lãi này chứ không phải bà C. Biên bản này cũng không ghi nhận việc bà C nhận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty E tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP A cũng xác nhận Ngân hàng không có chứng cứ chứng minh, không thể cung cấp được cho Tòa án văn bản nào ghi nhận việc Công ty E đề nghị Ngân hàng đồng ý cho chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ Công ty E sang cho cá nhân bà C.

Ngoài ra, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng thừa nhận từ sau khi các bên có buổi làm việc ngày 20 tháng 3 năm 2014 này cho đến khi ký kết Hợp đồng tín dụng, phía Ngân hàng và bà C không có thêm thỏa thuận nào.

Các bên đều xác định khoản tiền 6.450.000.000 (Sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu) đồng là tiền lãi phát sinh từ khoản nợ gốc của Công ty E và cùng xác nhận trước thời điểm ký hợp đồng tín dụng thì người đại diện theo pháp luật của Công ty E là ông Dương Hoàng D, từ thời điểm ký Hợp đồng tín dụng này trở về sau

thì người đại diện hợp pháp là ông Dương Văn G. Nhưng cả ông G và Ông D đều xác định Công ty E không có đề nghị nào đối với bà C và Ngân hàng về việc xin chuyển giao nghĩa vụ trả nợ số tiền này của Công ty E thành nghĩa vụ của trả tiền của bà C.

Như vậy không có chứng cứ nào thể hiện có sự đồng ý giữa Công ty E, ông Dương Hoàng D, bà Hồ Thị C về việc chuyển giao nghĩa vụ dân sự theo quy định Điều 315 Bộ luật dân sự năm 2005.

Do đó, việc Ngân hàng tự động căn trừ số tiền lẽ ra phải chuyển khoản giải ngân cho bà C vào số tiền nợ của Công ty E là không có cơ sở.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ngân hàng có xuất trình cho Hội đồng xét xử Thông báo đề ngày 26 tháng 5 năm 2014 về phương hướng xử lý nợ đối với hồ sơ Công ty E và Thông báo số 12/TB.DAB-Q5 ngày 24 tháng 7 năm 2014 về việc dư nợ lãi của các hợp đồng vay tại Ngân hàng nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc đã thông báo hợp lệ cho bà C và Công ty E đã nhận được các Thông báo này.

Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu cá nhân bà Hồ Thị C trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số vốn là 6.450.000.000 (Sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật nhưng Ngân hàng không chứng minh được nghĩa vụ phải trả tiền của bà C, không chứng minh được việc công ty Thanh Sơn đồng ý cho bà C trả nợ thay, không chứng minh được hai bên đã có thỏa thuận về việc bà C đồng ý cho Ngân hàng tự thực hiện căn trừ nợ mà không cần chuyển khoản giải ngân cho bà C nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên Ngân hàng thương mại cổ phần A phải chịu án phí là 114.450.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được căn trừ vào số tiền 57.225.000 đồng (Năm mươi bảy triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) mà Ngân hàng thương mại cổ phần A đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0021888 ngày 08/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng thương mại cổ phần A còn phải chịu 57.225.000 đồng (Năm mươi bảy triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần A không được chấp nhận nên Ngân hàng phải chịu án phí là 300.000 đồng nhưng

được trừ vào số tiền 300.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0005375 ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng thương mại cổ phần A đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, sử dụng án phí, lệ Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần A về việc yêu cầu bà Hồ Thị C trả ngay số nợ là 6.450.000.000 (Sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu) đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A về việc: Yêu cầu bị đơn bà Hồ Thị C nếu không thực hiện theo yêu cầu trả số tiền 6.450.000.000 (Sáu tỷ bốn trăm năm mươi triệu) đồng thì Ngân hàng thương mại cổ phần A được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thuộc sở hữu, sử dụng của bà Hồ Thị C để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A và yêu cầu bà Hồ Thị C phải chịu mọi chi phí phát sinh.

4. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần A phải chịu 57.225.000 đồng (Năm mươi bảy triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng thương mại cổ phần A phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0005375 ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND huyện C3;
- TAND huyện C3;
- Chi cục THA huyện C3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tuấn Vinh